TOÀ ÁN NHÂN DÂN TP THÁI NGUYÊN
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Án số: 35/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 19/6/2023

NHÂN DANH

N□ ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TP THÁI NGUYÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đỗ Thị Thanh Nhàn

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Xuân Viện

2. Bà Nguyễn Thị Nhung

- ***Th- ký phiên toà***: Bà Vũ Hoàng Yến - Thư ký Toà án nhân dân TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân*** *thành phố Thái Nguyên tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Ngọc Vân – Chức vụ Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân Thành phố Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 191/2023/TLST-HNGĐ ngày 04/4/2023 về "tranh chấp ly hôn, con chung" theo Quyết định đ- a vụ án ra xét xử số: 49/2023/QĐXX ngày 05/6/2023 giữa các đ- ơng sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1987

Nơi cư trú: TDP G, phường Đ, TP. T, tỉnh Thái Nguyên

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1985

Nơi cư trú: TDP G, phường Đ, TP. T, tỉnh Thái Nguyên;

Hiện đang cải tạo: Đội 21, K3, Trại giam Y, huyện P, tỉnh Sơn La

(Chị T có mặt, anh T có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn ly hôn, bản tự khai và tại phiên toà, Chị T trình bày:

Về quan hện hôn nhân: Chị kết hôn với anh T ngày 02 tháng 5 năm 2008, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên trên cơ sở tự nguyện.

Quá trình chung sống vợ chồng chị xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, vợ chồng không có sự tôn trọng lẫn nhau. Gia đình khuyên bảo anh T tập trung vào gia đình để nuôi dạy con cái cho tốt nhưng anh T không nghe. Do vi phạm pháp luật tháng 10 năm 2014 anh T bị Toà án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử và kết tội "Vận chuyển trái phép chất ma tuý" mức hình phạt là chung thân, hiện nay đang thi hành án tại phân trại K3, Trại giam Y, Bộ Công An. Đến nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được xin ly hôn để ổn định tư tưởng và cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị T H, sinh ngày 12/2/2009 và Nguyễn Nhất L, sinh ngày 14/8/2013.

Chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai con chung cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 19/4/2023, Anh T trình bày: Anh kết hôn với Chị T vào tháng 5 năm 2008, đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ, thành phố Thái Nguyên. Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc, đến 2014 anh bị bắt về tội "Vận chuyển trái phép chất ma tuý" và bị Toà án nhân dân tỉnh Sơn La xử phạt chung thân. Nay Chị T có đơn ly hôn, anh T đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung đúng như Chị T đã khai. Nguyện vọng của anh T là được ông, bà nội trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc các con.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh T không yêu cầu Chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh T đã có đơn xin vắng mặt tại phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải vì lý do đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Y, Bộ Công an.

Cháu Nguyễn Thị T H và Nguyễn Nhất L đều có đơn trình bày nguyện vọng được ở với mẹ.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng là nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70,71 của BLTTDS. Bị đơn vì lý do bất khả kháng, không thực hiện được đầy đủ nghĩa vụ của bị đơn.

Về nội dung: Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Chấp nhận đơn ly hôn của chị Nguyễn Thị T, cho Chị T được ly hôn anh Thường.

- Về con chung: Giao cho Chị T trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung cho đến khi con đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con không giải quyết do không có yêu cầu.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết do không có yêu cầu.

- Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án ly hôn căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện. Bị đơn anh T có nơi cư trú tại thành phố Thái Nguyên, căn cứ vào điểm a khoản 1, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên.

Tại phiên tòa bị đơn Anh T có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị T và anh T tự nguyện kết hôn với nhau ngày 02 tháng 5 năm 2008, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên trên cơ sở tự nguyện đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống Chị T và anh T đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung khiến cho cuộc sống không hạnh phúc. Ngày 01/10/2014, do vi phạm pháp luật anh T bị bắt về tội "Vận chuyển trái phép chất ma tuý" và bị Toà án nhân dân tỉnh Sơn La xử phạt chung thân, hiện nay đang thi hành án tại phân trại K3, Trại giam Y, Bộ Công an. Nay Chị T có đơn xin ly hôn anh T xác định vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa nên đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử thấy mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng đã hết nên căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị T H, sinh ngày 12/2/2009 và Nguyễn Nhất L, sinh ngày 14/8/2013.

Khi ly hôn Chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến khi các con trưởng thành và không yêu cầu anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử thấy rằng anh T hiện nay đang thụ án trong trại, hai con đều có nguyện vọng được ở với mẹ, vì vậy khi ly hôn giao cho Chị T trực tiếp nuôi dưỡng con như vậy là phù hợp với thực tế và Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Anh T được quyền đi lại thăm nom con chung.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[4]. Về tài sản chung và nợ chung: Chị T, anh T không có yêu cầu nên Tòa án không giải quyết, nếu các đương sự có tranh chấp sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

[5]. Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, 146, 147; khoản 2 Điều 207; Điều 227, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T, cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh T.

2. Về con chung: Giao cho Chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con Nguyễn Thị T H, sinh ngày 12/02/2009 và Nguyễn Nhất L, sinh ngày 14/8/2013 đến khi con đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Anh T có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai có quyền cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu nên không giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết, nếu các đương sự có tranh chấp sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

4. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm để nộp ngân sách nhà nước, được chuyển từ tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số 0000802 ngày 04/4/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

Nguyên đơn Chị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh T vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Thanh Nhàn

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSNDT Thái Nguyên;
- VKSND TP Thái Nguyên;
-THADSTP Thái Nguyên;
- Đương sự;
- UBND p. Đồng Bẩm;
- Lưu HS.

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Thanh Nhàn

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TN;
- VKSNDTTN;
- VKSND TPTN;
-THADSTPTN;
- Đương sự;
- UBND p. Chùa Hang;
- Lưu HS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Thanh Nhàn

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Thanh Nhàn

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TN;
- VKSNDTTN;
- VKSND TPTN;
-THADSTPTN;
- Đương sự;
- UBND p. Tân Lập;
- Lưu HS.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Thanh Nhàn